

Số.: 306 /2025/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Hanoi, 25 March 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên Công ty Quản lý Quỹ/*Name of FMC*: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
 - Tên Quỹ ETF niêm yết/*Name of ETF*: **Quỹ ETF MAFM VN30**
 - Mã chứng khoán/*Stock code*: **FUEMAV30**
 - Địa chỉ trụ sở chính/*Address*: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
 - Điện thoại/*Tel*: +84 24 3564 0666 Fax: +84 24 3564 0555
 - Email: mafmc@miraeasset.com website: <http://www.fundmanagement-miraeasset.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2024 / *Operational report for 2024*

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/ Quỹ vào ngày 25/03/2025 tại đường dẫn: <https://fundmanagement-miraeasset.com.vn/thong-tin-ve-quy> / *This information was published on the company's/the Fund's website on 25/03/2025, as in the link: https://fundmanagement-miraeasset.com.vn/thong-tin-ve-quy*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/
Attachment:**

Báo cáo tổng kết hoạt động
quản lý quỹ năm 2024/
Operational report for 2024

Người công bố thông tin/ *Publisher*
Tổng Giám Đốc/*General Director*



Số GP: 36 - C.T.T.N.H
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
MIRAE ASSET
(VIỆT NAM)
Đ. NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Soh Jin Wook

Số/ No: 302./2025/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Hanoi, date 25 month 03 year 2025

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2024

REPORT

Summary of fund management activities for 2024 year

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / The State Securities Commission (“SSC”)

Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

1. Thông tin về quỹ/ The Fund's information

a) Tên của quỹ: Quỹ ETF MAFM VN30

Fund name: MAFM VN30 ETF

Loại hình quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục

Fund type: Exchange Traded Fund

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ/ Fund's investment objective

Mục tiêu của Quỹ ETF MAFM VN30 là mô phỏng gần nhất có thể biến động (performance) của chỉ số VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

MAFM VN30 ETF's investment objective is to simulate VN30 Index's performance as much as possible after subtracting the cost of the fund. VN30 Index is Price Index provided and managed by Ho Chi Minh City Stock Exchange.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ/ Fund's operating time: được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động/ The Fund starts operating since the date SSC granted the fund establishment certificate and there is no limit on operating duration.

d) Danh mục tham chiếu/ Benchmark portfolio: Danh mục chỉ số giá VN30/ VN30 price index portfolio

Mã cổ phiếu và tỷ trọng trong FUEMAV30 tại ngày 31/12/2024 như sau/ List of stocks and their proportion in FUEMAV30's portfolio as of 31 December 2024:

Mã cổ phiếu Stock	Tỷ trọng Weighting	Mã cổ phiếu Stock	Tỷ trọng Weighting	Mã cổ phiếu Stock	Tỷ trọng Weighting
ACB	7.61%	MSN	3.29%	TCB	8.25%
BCM	0.31%	MWG	5.25%	TPB	1.59%
BID	0.78%	PLX	0.32%	VCB	4.04%
BVH	0.28%	POW	0.40%	VHM	4.46%
CTG	2.25%	ROS	0.00%	VIB	2.15%

FPT	11.29%	SAB	0.58%	VIC	3.42%
GAS	0.56%	SHB	2.32%	VJC	2.12%
GVR	0.36%	SSB	2.23%	VNM	3.90%
HDB	4.85%	SSI	2.60%	VPB	6.14%
HPG	6.87%	STB	5.06%	VRE	1.14%
MBB	5.34%				

e) Chính sách phân chia lợi nhuận/ *Fund's profit distribution policy:*

- Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc/ *The profit distribution ensures following principles:*
 - Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận;/ *Appropriate with profit distribution policy;*
 - Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);/ *After the Fund completes taxation obligation and other financial obligations regulated by the law and makes provisioning in accordance with regulations of the Fund's charter (if any);*
 - Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;/ *After profit distribution, the Fund must be payable to its due debts, other property obligations and make sure that net asset value is not lower than fifty (50) billion dong;*
 - Mức chi trả lợi tức do Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại Điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của Quỹ;/ *The profit distribution's scale is determined by the Investors General Meeting or Board of Representative and is in accordance with investment objectives and regulations of the Fund's charter about profit distribution policy.*
 - Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét./ *In case of distributing profits by Fund certificates, the Fund must have sufficient capital from undistributed after-tax profits based on the latest audited or reviewed financial statements.*
- Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi tức cho Nhà Đầu Tư./ *Fund Management Company ("FMC") must deduct all tax, charges, fees as regulated by law before distributing profits to Investors.*
- Nhà Đầu Tư có trong Danh sách Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ cho việc phân phối lợi tức ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi tức. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số chứng chỉ quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi tức./ *Investors included in the List of Investors on the Dealing date announced by FMC about profit distribution ("Record date") are eligible to receive profits. In case Investors transferred their Fund certificates between the record date and the settlement date, the transferors will receive profits.*

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành/ *Outstanding number of fund certificates:*

Tổng số chứng chỉ quỹ tại ngày 01/01/2024

26.200.000 CCQ

Fund certificates as of 01/01/2024

26,200,000 Fund certificates

Tổng số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ <i>Fund certificates issued in the reporting period</i>	20.700.000 CCQ 20,700,000 Fund certificates
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ <i>Fund certificates redeemed in the reporting period</i>	3.600.000 CCQ 3,600,000 Fund certificates
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày 31/12/2024 <i>Fund certificates as of 31/12/2024</i>	43.300.000 CCQ 43,300,000 Fund certificates

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo/ *Change in the Fund's Charter in the period*: Không thay đổi/
None.

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo/ *Contents of the Investors General Meeting's resolution in the period*

Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm 2024 của Quỹ ETF MAFM VN30 ngày 15/04/2024 đã thông qua Kết quả hoạt động Quỹ năm 2023; Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Quỹ; Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2023; Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2024 của Quỹ; Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán để soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Quỹ; Thông qua ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2024.

Resolution of Annual Investors General Meeting year 2024 of MAFM VN30 ETF on 15 April 2024 included Approvals of the Fund's operational activities result of 2023; the Fund's Audited financial statement of 2023; the Fund's plan of not distributing profit of 2023; the Fund's operational plan of 2024; Authorizing the Board of Representatives to choose audit firm for the Fund's reviewed semi-annual financial statement and audited financial statement of 2024; Budget of the Board of Representatives in 2024.

Thông tin này đã được công bố tại đường dẫn/ *This information was published as in the link:*
<https://fundmanagement-miraeasset.com.vn/tin-tuc-quy-etf-mafm-vn30/bien-ban-va-nghi-quyet-hop-dhndt-to-chuc-nam-2024-quy-etf-mafm-vn30>

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF/ *Supervisory Bank's opinion about regulations at Article 24 of Circular guiding the establishment and management of ETF funds*: Công ty Quản lý Quỹ đáp ứng đúng các quy định tại Điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF./ *The FMC meets all the regulations at Article 24 of Circular guiding the establishment and management of ETF funds.*

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ/ *The Fund's operational results*

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất./ *Information of the Fund's portfolio and NAV as of 31 December within 3 recent years:*

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ vào ngày 29/10/2020 theo giấy chứng nhận số 46/GCN-UBCK.

The fund is granted establishment certificate no. 46/GCN-UBCK on 29 October 2020 by SSC.

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...)/ *The Fund's portfolio allocated by sector, field and product type (stocks, bonds,...)*

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau:/ *Portfolio allocated by asset:*

Cơ cấu tài sản quỹ <i>The Fund's asset structure</i>	31/12/2024 (%)	31/12/2023 (%)	31/12/2022 (%)
Danh mục chứng khoán <i>Securities</i>	99.76	99.63	99.75
Tài sản khác <i>Other assets</i>	0.24	0.37	0.25
Cộng/ Total	100.00	100.00	100.00

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau: / *Portfolio allocated by sector:*

NGÀNH/ Sector	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
Tài chính <i>Finance</i>	54.7%	53.7%	46.2%
Công nghệ thông tin <i>Information Technology</i>	10.9%	7.7%	6.0%
Bất động sản <i>Real estate</i>	9.6%	11.3%	16.1%
Tiêu dùng thiết yếu <i>Consumer Staples</i>	8.2%	9.3%	14.0%
Vật liệu <i>Materials</i>	7.1%	8.9%	7.4%
Tiêu dùng không thiết yếu <i>Consumer Discretionary</i>	5.3%	4.3%	4.9%
Công nghiệp <i>Industrials</i>	2.7%	3.0%	3.3%
Dịch vụ tiện ích <i>Utilities</i>	1.0%	1.2%	1.5%
Năng lượng <i>Energy</i>	0.4%	0.4%	0.4%
Tiền và tương đương tiền <i>Cash and cash equivalents</i>	0.2%	0.2%	0.1%
Tổng Total	100%	100%	100%

- Giá trị tài sản ròng của quỹ: / *The Fund's NAV:*

Giá trị tài sản ròng/ NAV	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
của quỹ ETF <i>of the Fund</i>	699,109,897,832	351,346,559,243	332,224,553,382
của một lô chứng chỉ quỹ ETF <i>of an ETF creation unit</i>	43,300,000	1,341,017,402	1,182,293,784
của một chứng chỉ quỹ <i>of a fund certificate</i>	16,145.72	13,410.17	11,822.93
trên 1 đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo <i>of a fund certificate has highest price in the period</i>	16,369.06	14,902.03	18,294.88
trên 1 đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo <i>of a fund certificate has lowest price in the period</i>	13,409.85	11,822.37	10,637.42

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập); / *Total profits of the Fund, specifying the profits from stocks' growth (capital gains) and the profits from stocks' income (dividend, coupon, deposit interest rate...) (income value)*;

STT No.	CHỈ TIÊU Criteria	SỐ TIỀN Amount
1	Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện <i>Unrealized gains (losses) from investment revaluation</i>	61,569,315,044
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi tiền gửi...) <i>Profits from stock income (dividend, coupon, interest...)</i>	8,127,672,280
3	Lợi nhuận/(Lỗ) thu được từ bán cổ phiếu, trái phiếu <i>Realized gains/ (losses) from stock and bond sales</i>	7,117,282,106
4	Tổng chi phí <i>Total expense</i>	3,517,062,888
	Tổng cộng (1+2+3-4) Total (1+2+3-4)	73,297,206,542

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ/ *Profits distributed per fund certificate (net and gross value) in the period, including by cash or fund certificates: không có/ no.*

- Thời điểm phân chia lợi nhuận/ *Profit distribution time: không có/ no.*

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận/ *NAV per fund certificate before and after profit distribution time: không có/ no*

- Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ (%)/ *Operating expense over average NAV ratio (%): 0.89%*

- Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ/ *Portfolio turnover rate/Average NAV: 54.14%*

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo. / *Information of debts, post-payment items of securities investment company (if any), repo/reverse repo transactions: không có/ no*

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:/ *The Fund's profit:*

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:/ *The Fund's average annual profit in the specific period:*

(i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm)/ <i>in 12 months (1 year)</i>	73,297,206,542
(ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm)/ <i>in 36 months (3 years)</i>	(48,498,015,610)
(iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm)/ <i>in 60 months (5 years)</i>	Không áp dụng/ <i>N/A</i>

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc/ *Other comparison indicators, complying with the principles*

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác/ *Methods, principles of asset, profit valuation are unified, publicized and evaluated by an independent organization: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong*

Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ./ *principles of NAV valuation are regulated in the Fund's Charter and valuation handbook.*

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập/ *Data provided by an independent organization: không có/ no.*

d) Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư./ *Information about operational results of the Fund is for reference only and does not imply that the investment in the Fund shall ensure profitability for investors.*

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ/ *Report of asset management activities of FMC*

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau./ *Report of asset management activities of FMC includes:*

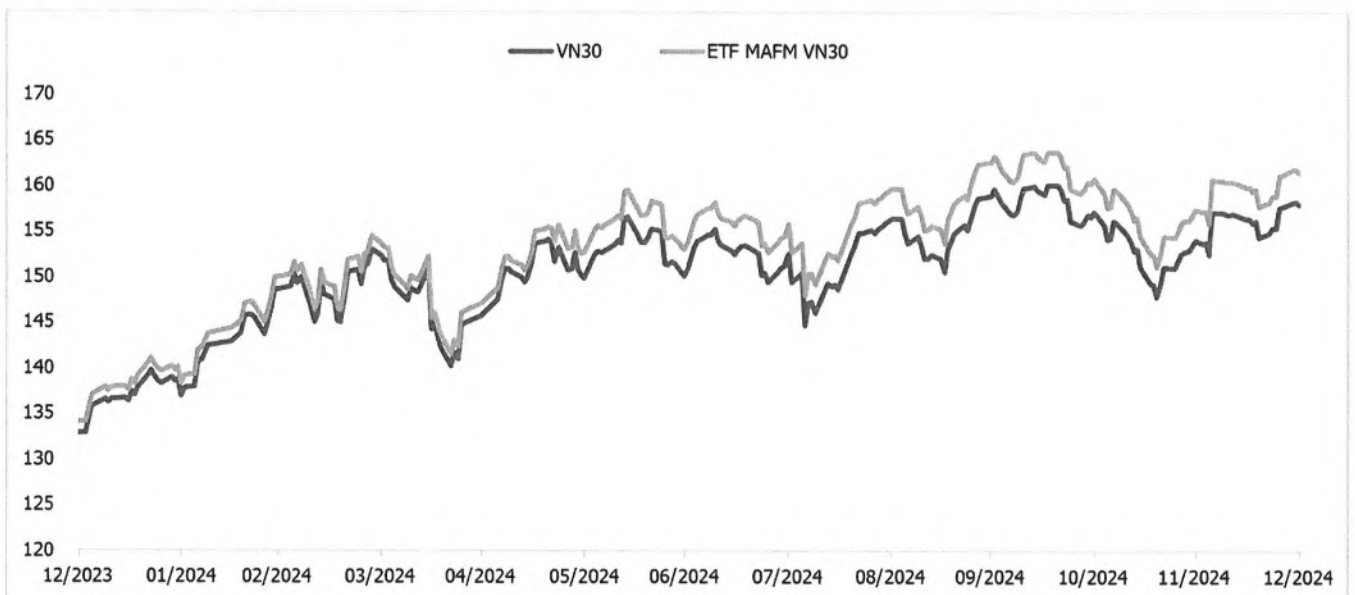
a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ/ *Explanation of changing the FMC: không có/ no*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ)/ *Explanation of achieving investment objective of the Fund (only necessary in the annual report):*

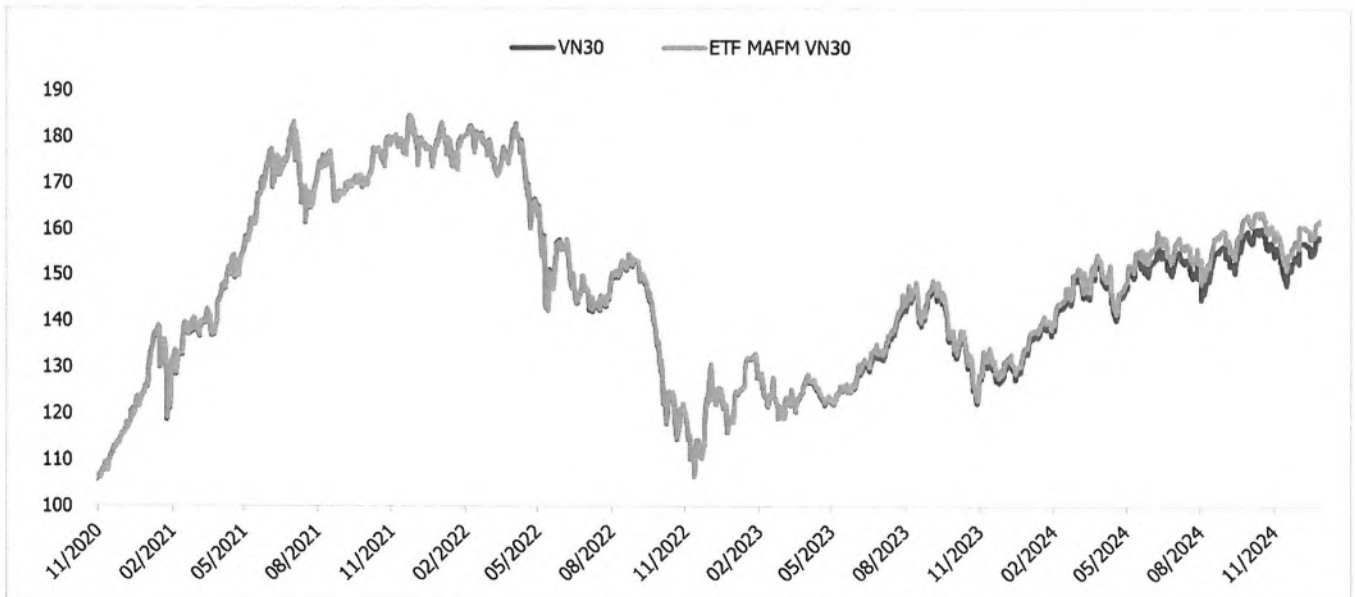
Mục tiêu của Quỹ ETF MAFM VN30 là mô phỏng gần nhất có thể biến động (performance) của chỉ số VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Trong kỳ báo cáo, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức thấp khoảng 0,35%.

MAFM VN30 ETF's investment objective is to simulate VN30 Index's performance as much as possible after subtracting the cost of the fund. In the period, the Fund has achieved the target with the low tracking error of 0.35%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị)/ *Comparing profit results of the Fund with benchmark index indicated in the Prospectus in the period (by chart):*



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):/ *Comparing profit results of the Fund with benchmark index indicated in the Prospectus within five (05) recent years from the period (by chart):*



e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;/ *Describing the Fund's investment strategy in the period. In case there is difference in investment strategy between executed in the period and indicated in the Prospectus, the Fund must explain and evaluate strengths, weaknesses of executed investment strategy;*

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

The Fund uses passive investment strategy to implement predetermined investment objective. When there is any change in the VN30's basket of stocks, the Fund shall adjust its portfolio to match VN30 Index's structure and assets' proportion. The Fund shall manage to achieve result similar to benchmark index's performance and shall not use defensive strategy in downside market and shall not realize profit in upside market. Passive investment is to reduce investment cost and to simulate benchmark index as much as possible by maintaining fund's turnover ratio less than the same criterium of the active investment funds.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:/ *Describing the difference in the Fund's portfolio structure between the reporting period and its previous year:*

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2024 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 99%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.

The Fund's portfolio structure as of 31 December 2024 does not change much compared to its previous year, both have 99% of listed stocks because the Fund type is exchange traded fund simulating benchmark index. The major difference between 2 periods is due to the change in weighting of some sectors in portfolio.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này và tại kỳ báo cáo gần nhất: *Analyzing the Fund's performance based on comparing NAV per fund certificate (after deducting distributed profits, if any) between this period and previous period:*

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2024 của Quỹ ETF MAFM VN30 là 16.145,72 đồng tăng 20,40% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2023, cùng thời gian đó chỉ số tham chiếu tăng tương ứng 18,85%.

MAFM VN30 ETF's NAV per fund certificate as of 31 December 2024 is 16,145.72 dong, increasing 20.40% compared to NAV per fund certificate as of 31 December 2023, while the benchmark index increases 18.85% respectively.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap): *Assessing markets' volatility in the period the Fund invested in, including oversea market, information about investment profit for each asset type: stocks, blue-chip stocks, small-cap stocks:*

Fed đã đưa ra thông điệp "diều hâu" trong cuộc họp tháng 12 khi dự kiến chỉ có hai lần cắt giảm lãi suất vào năm 2025, ít hơn so với dự phóng trước đó là bốn lần. Cùng với các hoạt động chốt lời sau một năm thành công, những sự kiện này đã khiến thị trường chứng khoán Hoa Kỳ sụt giảm trong tháng. Ngược lại, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có mức tăng tốt trong tháng 12 khi các nhà đầu tư nước ngoài giảm bán ròng và mua lại nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn có định giá hấp dẫn. Kết quả là chỉ VN-Index kết thúc năm ở mức 1.266,78 điểm, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 12,1% trong cả năm 2024.

The Fed showed a hawkish tone in its December meeting by projecting only two rate cuts in 2025, fewer than the previous consensus of four cuts. Together with profit-taking activities after a year-long rally, these events resulted in a slump for the US stock market during the month. On the contrary, the Vietnamese stock market enjoyed a good gain in December as foreign investors significantly reduced their net selling and repurchased mainly undervalued large-cap stocks. As a result, the VN-Index ended the year at 1266.78, a 1.3% m/m and 12.1% y/y increase.

Bất chấp đà tăng, hoạt động giao dịch vẫn chậm chạp trước kỳ nghỉ lễ cuối năm, với giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trên HSX được ghi nhận ở mức 13,5 nghìn tỷ đồng, giảm 11% so với tháng trước. Áp lực bán của các nhà đầu tư nước ngoài đã chậm lại đáng kể, với khối lượng bán ròng trên HSX chỉ còn 2,3 nghìn tỷ đồng, giảm 80% so với tháng trước.

Despite the rally, trading activity remained sluggish ahead of the year-end holiday season, with the daily average trading volume at the Ho Chi Minh Stock Exchange recorded at VND13.5tn, a 11% drop m/m. Foreign investors' selling pressure slowed considerably, with the net selling amount on the HSX reaching VND 2.3tn, down 80% m/m.

- i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách)/ *Information about dividing fund certificates in the period (if any); influence of dividing fund certificates and NAV per fund certificate (before and after dividing)*: không có/ *no*
- k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/ *Cases influencing investor's benefits*: không có/ *no*.
- l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan/ *Information about transactions of related party*: không có/ *no*.
- m) Các thông tin khác (nếu có)/ *Other information (if any)*.

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank's report of supervisory activities*

Ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ ETF đối với các nội dung sau:

Supervisory Bank gives opinions about FMC's compliance with the law, the Fund's Charter, Prospectus in the ETF operating and management process as below:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có)/ *Explanation of changing Supervisory Bank (if any)*: Từ 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát./ *From 01 January 2024 to 31 December 2024, the Fund does not change Supervisory Bank.*

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ/ *Asset custody of the Fund*: được thực hiện tại ngân hàng giám sát, tách bạch với tài sản của công ty quản lý quỹ và các tài sản khác mà công ty quản lý quỹ đang quản lý./ *implemented by supervisory bank, seperating with FMC's assets and other assets that FMC is managing.*

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Compliance with restriction of investment and loans regulated by the law, the Fund's Charter, Prospectus*: Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành, Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch./ *During the supervision of investment activities and asset transactions of the Fund from 01 January 2024 to 31 December 2024, the Fund complied with investment restrictions regulated by current securities law documents, the Fund's Charter, Prospectus.*

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

From 01 January 2024 to 31 December 2024, the Fund does not have any borrowing and lending contracts.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ/ *NAV valuation*: việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan./ *asset valuation, assessment of the Fund complies with the Fund's Charter, Prospectus and related law documents.*

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ/ *Fund certificates issuance and redemption*: theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *regulated by the law, the Fund's Charter and Prospectus*

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ đã thực hiện:

From 01 January 2024 to 31 December 2024, the Fund implemented:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 20.700.000 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 207.000.000.000 đồng.

Issuance: 20,700,000 fund certificates were issued with total face value of 207,000,000,000 dong.

- Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 3.600.000 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 36.000.000.000 đồng

Redemption: 3,600,000 fund certificates were redeemed with total face value of 36,000,000,000 dong.

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ/ *Profit distribution of the Fund*: từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư./ *from 01 January 2024 to 31 December 2024, the Fund does not distribute profits to Investors.*

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ *Authorization activity report*

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

FMC must make report of assessing services quality provided by other organizations (authorized party), such as transfer agent, fund administration, NAV valuation... with following contents:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;/ *Expenses for authorized party compared to profit, income, total operating expense of the Fund;*

Chỉ tiêu Criteria	Tỷ lệ so với lợi nhuận Ratio to profit	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động Ratio to operating expense	Tỷ lệ so với thu nhập Ratio to income
Tỷ lệ chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng <i>Transfer agent expense ratio</i>	0.09%	1.91%	0.09%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ <i>Fund administration expense ratio</i>	0.18%	3.75%	0.17%

b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản);/ *Property registration (incase of real estate securities invesment company)*

c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ/ *Other influences (if any) of authorization activity on the Fund's profit, risk level*: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ./ *Increasing expense but not significantly, minimizing the level of risk affecting the Fund's operations.*

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);/ *Total authorization expense paid to authorized party (in case the authorized party provides many services for FMC)*

STT No.	Chỉ tiêu Criteria	Số tiền Amount
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng <i>Transfer agent expense</i>	66,000,000
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ <i>Fund administration expense</i>	129,869,796

đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư/ *Assessing ability of maintaining internal control system, risk management, technical infrastructure, hot backup system, disaster backup system... of authorized party, to ensure smooth authorization activity and not affect Investor's investment: Tốt./ Good.*

Tổng Giám Đốc kiêm đại diện pháp luật
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
CEO and Legal representative
Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited

